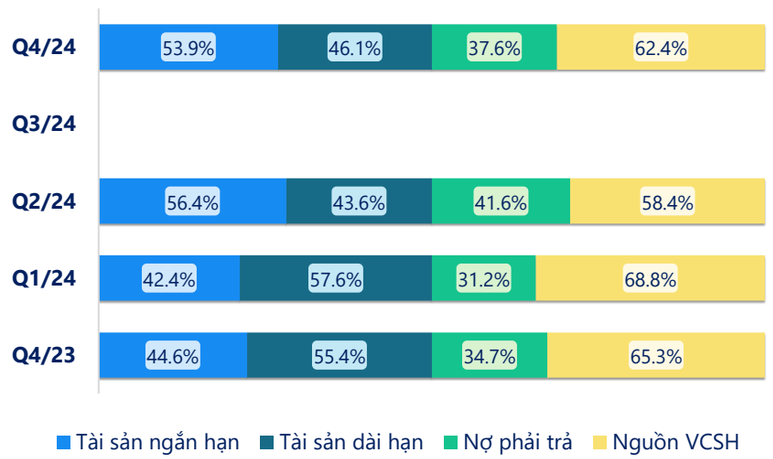
FireAnt

CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình (UPCOM: BQB)

Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	3,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,900
SL cổ phiếu LH	5,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,925
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	21
P/E	
EPS	

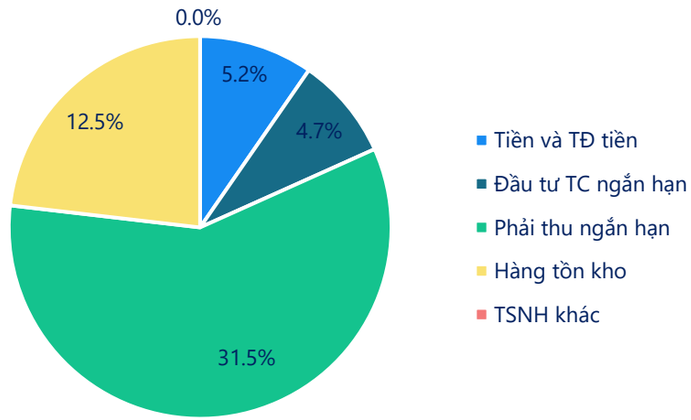
	YTD	1T	3T	6T
BQB	16.1%	-2.7%	0.0%	
VNINDEX	2.1%	-0.2%	-1.3%	

Cơ cấu Tổng tài sản



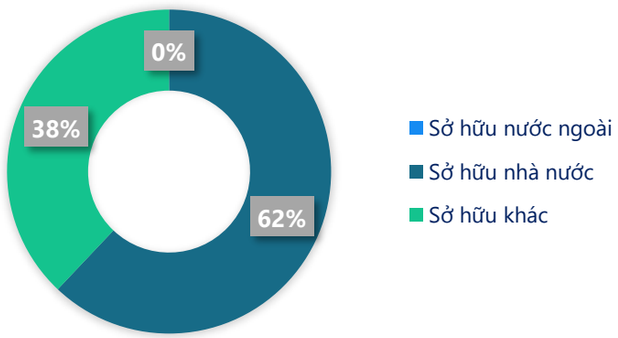
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



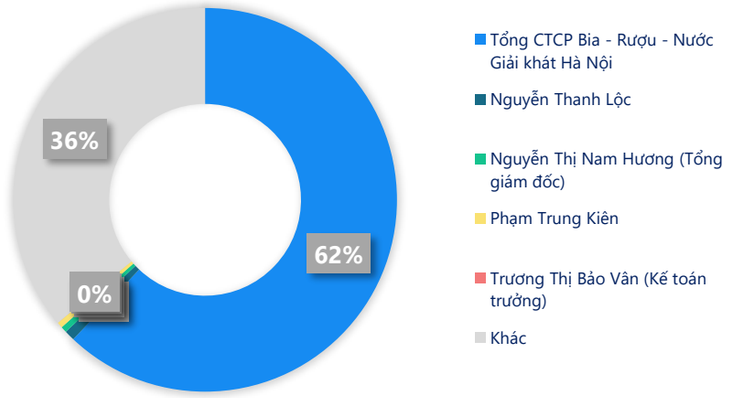
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



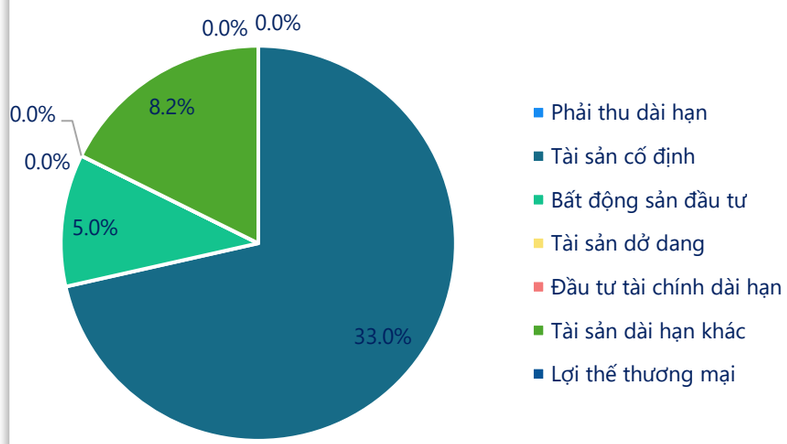
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

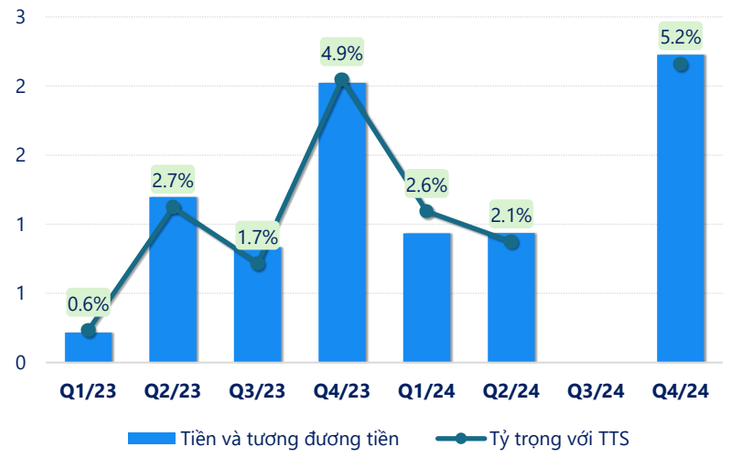


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

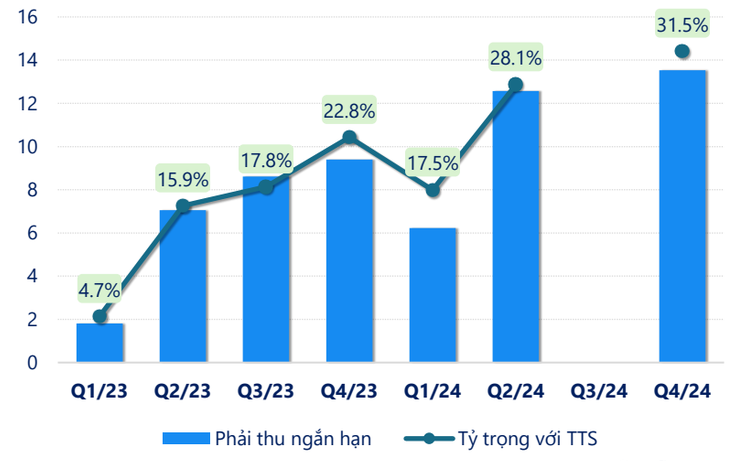
CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình (UPCOM: BQB)

Tiền và tương đương tiền



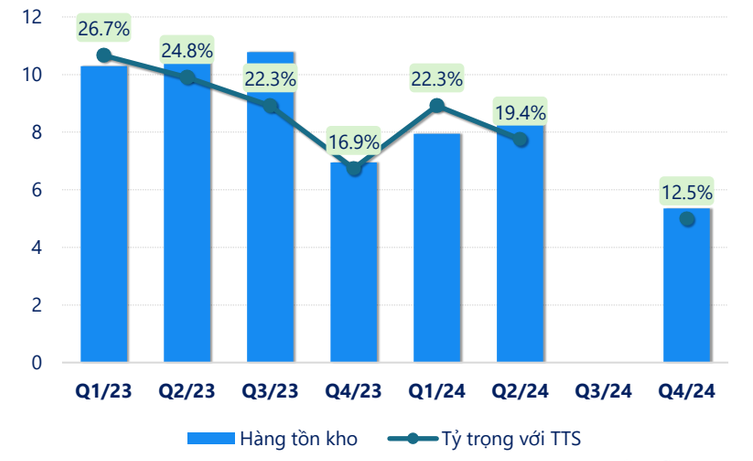
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



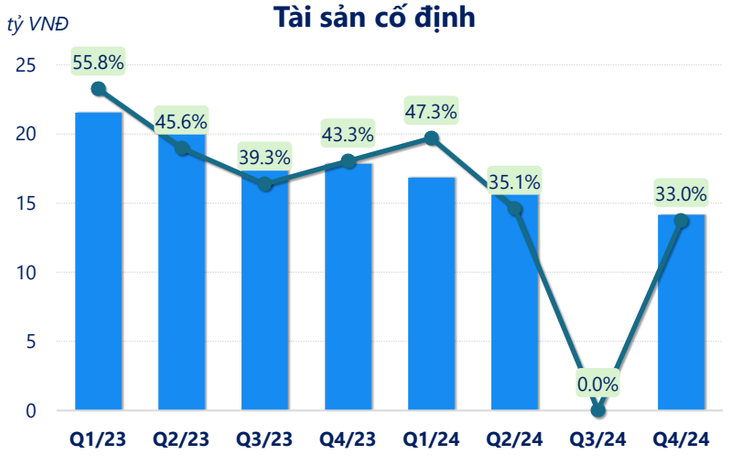
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



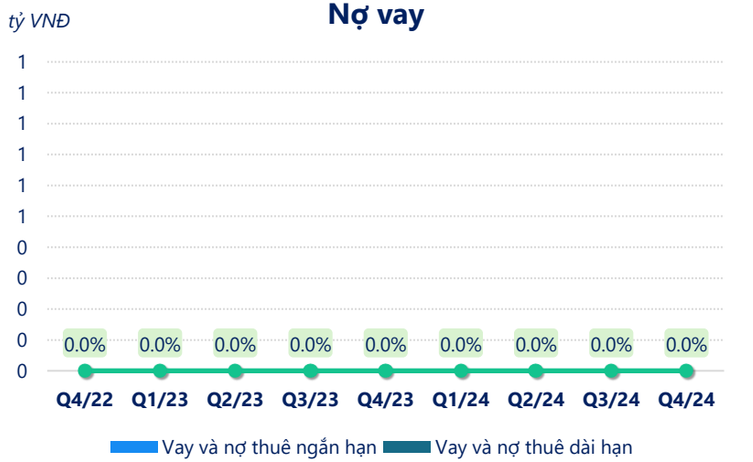
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



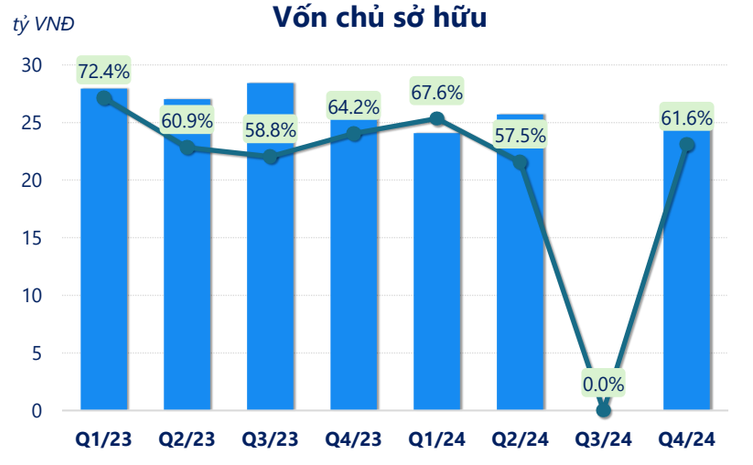
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

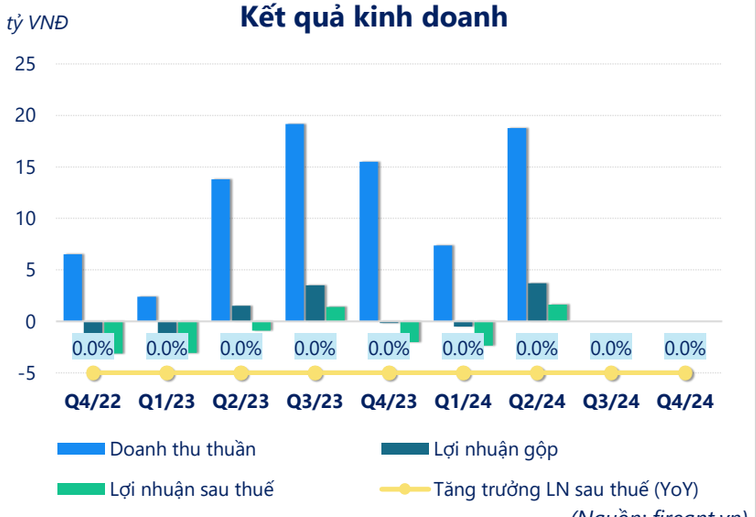
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

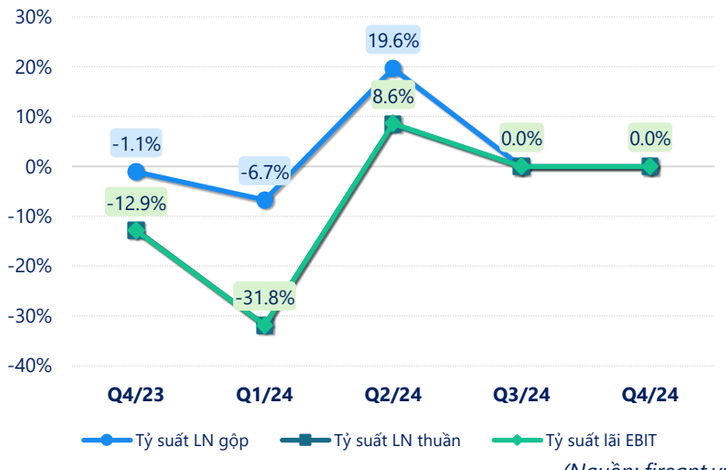
CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình (UPCOM: BQB)

Kết quả kinh doanh



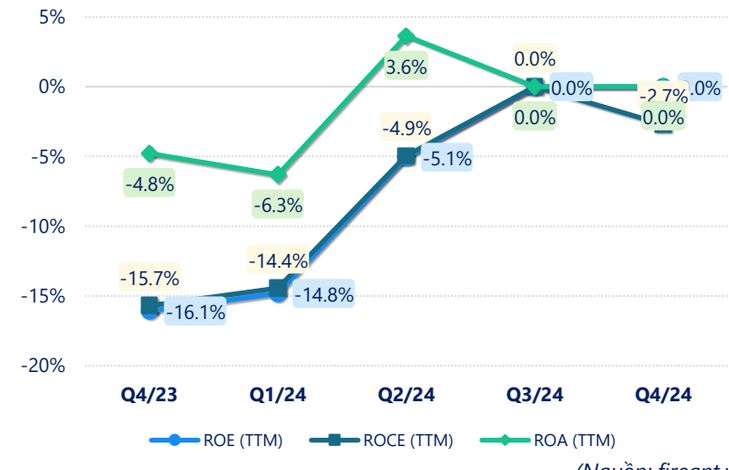
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



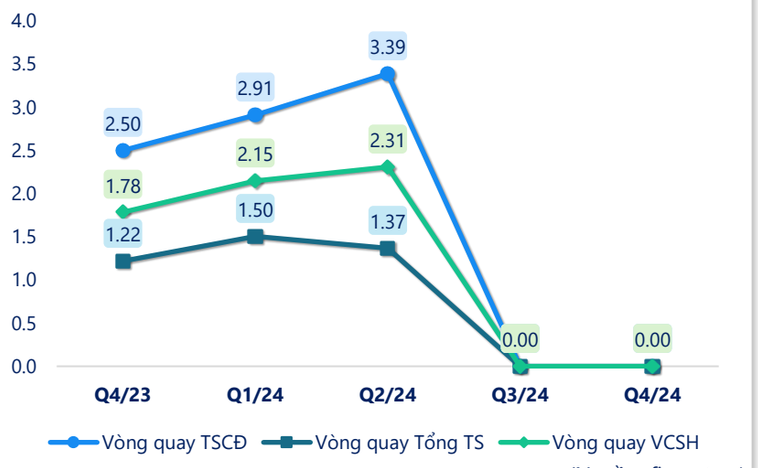
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



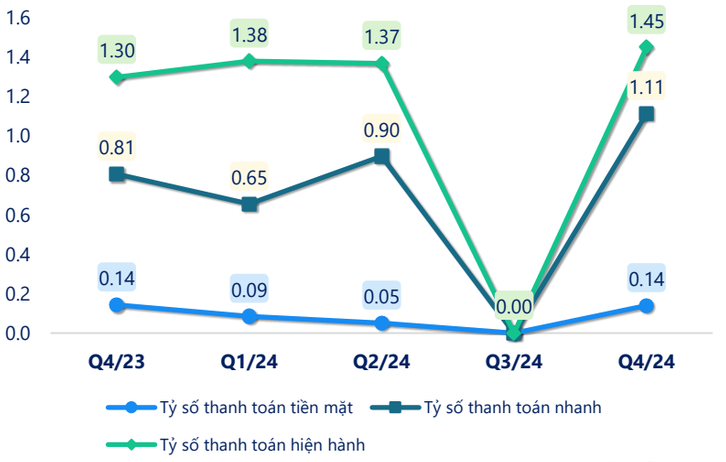
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



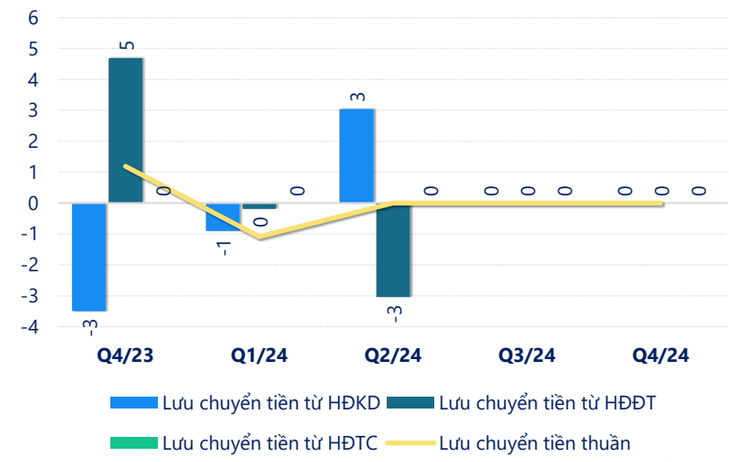
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Bia Hà Nội - Quảng Bình (UPCOM: BQB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**42.9**	**41.2**	**4.2%**
Tài sản ngắn hạn	23.1	19.3	20.0%
Tiền và tương đương tiền	2.23	2.02	10.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.00	0	
Phải thu ngắn hạn	13.5	9.39	44.1%
Hàng tồn kho	5.35	7.84	-31.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**19.8**	**21.9**	**-9.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	14.1	17.8	-20.7%
Bất động sản đầu tư	2.15	2.92	-26.5%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**3.50**	**1.17**	**198%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	16.1	14.3	12.8%
Nợ ngắn hạn	**16.0**	**14.1**	**12.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	4.53	4.09	10.7%
Nợ dài hạn	0.18	0.15	20.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**26.8**	**26.9**	**-0.4%**
Vốn chủ sở hữu	**26.4**	**26.4**	**0.1%**
Vốn điều lệ	58.0	58.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.33**	**0.47**	**-28.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	15.5	7.36	18.8		
Giá vốn hàng bán	15.7	7.85	15.1		
Lợi nhuận gộp	-0.17	-0.49	3.69		
Doanh thu HĐTC	0.07	0.00	0.02		
Chi phí TC	0	0.00	0		
Chi phí lãi vay	0	0	0		
LN trong công ty LKLD	0	0	0		
Chi phí bán hàng	0.58	0.43	0.91		
Chi phí QLDN	1.30	1.42	1.20		
LN thuần từ HĐKD	-1.99	-2.34	1.59		
Lợi nhuận khác	-0.01	0	0.02		
LN trước thuế	-2.00	-2.34	1.61		
Lợi nhuận sau thuế	-2.00	-2.34	1.61		
LNST của CĐ cty mẹ	-2.00	-2.34	1.61		

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-3.50	-0.90	3.04	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.69	-0.19	-3.04	0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	0.83	2.02	0.94	0	0
Lưu chuyển tiền thuần	**1.19**	**-1.09**	**0.00**	**0**	**0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.02	0.94	0.94	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic